

**UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3435 /SNN-TL

Đồng Nai, ngày 14 tháng 8 năm 2020

V/v đăng tải dự thảo Quyết định
của UBND tỉnh ban hành định
mức kinh tế - kỹ thuật trong công
tác quản lý, khai thác và bảo vệ
công trình thủy lợi trên địa bàn
tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Văn bản số 1840/VP-KTN ngày 30/7/2020 của Văn phòng UBND tỉnh về việc ý kiến thành viên UBND tỉnh về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

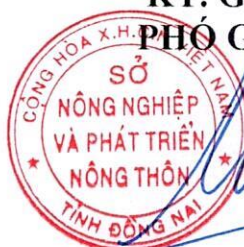
Sau khi nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của thành viên UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT kính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh xem xét, đăng tải Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (xin đính kèm), trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh quan tâm, phối hợp thực hiện. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc và các Phó GD Sở;
- Các phòng: TCCB, KHTC;
- Chi cục TTBVT&Thủy lợi;
- Lưu VT, TL (Ngọc).

01

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Đình Minh

Số: /2020/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý,
khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 2891/QĐ-BNN-TL ngày 12 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 4274/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kết quả thực hiện Chương trình Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số/TTr-SNN ngày ...tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Giám đốc Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Chánh

QUY ĐỊNH

**Định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ
công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND ngày tháng năm 2020
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Định mức được xây dựng trên cơ sở các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình quy phạm kỹ thuật về quản lý vận hành công trình thủy lợi do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và hiện trạng công trình, máy móc thiết bị, phương tiện quản lý của địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Định mức được tính toán đầy đủ trên cơ sở tổ chức lao động khoa học, tổ chức sản xuất hợp lý cho từng công trình, được thực hiện cho từng bước công việc, từng công đoạn và toàn bộ quá trình quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Phạm vi áp dụng sản phẩm bao gồm sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Định mức này áp dụng cho các tổ chức, đơn vị thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được đầu tư bằng ngân sách nhà nước, hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

2. Khuyến khích áp dụng định mức này đối với các tổ chức và cá nhân quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi được đầu tư từ các nguồn vốn khác, ngoài vốn ngân sách.

Điều 3. Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, gồm 07 định mức sau:

1. Định mức lao động;
2. Định mức sử dụng nước tưới tại mặt ruộng;
3. Định mức tiêu hao điện năng cho bơm tưới;
4. Định mức tiêu hao điện năng cho bơm tiêu;
5. Định mức sửa chữa thường xuyên tài sản cố định;
6. Định mức tiêu hao vật tư, nguyên nhiên liệu cho công tác vận hành, bảo dưỡng máy móc thiết bị;
7. Định mức chi phí quản lý doanh nghiệp.

(Chi tiết các định mức theo phụ lục đính kèm)

Điều 4. Quy định áp dụng định mức

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật là căn cứ để lập và quản lý kế hoạch, xây dựng phương án giá dịch vụ thủy lợi, đặt hàng, đấu thầu công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi, thanh quyết toán các khoản mục chi phí quản lý, vận hành các công trình thủy lợi do các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai quản lý.

2. Định mức kinh tế kỹ thuật được xây dựng và áp dụng trong điều kiện thời tiết bình thường. Trường hợp xảy ra thiên tai, các đơn vị quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để điều chỉnh, bổ sung chi phí theo quy định hiện hành của nhà nước.

3. Trong quá trình thực hiện định mức, nếu có vướng mắc, các đơn vị quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xử lý.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan triển khai thực hiện áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Nghiên cứu, đề xuất phương án tổ chức và phương thức cung ứng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Thủy lợi và các nghị định, thông tư hướng dẫn.

2. UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa chỉ đạo các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn; Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi thực hiện các nội dung sau:

a) Triển khai áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, trong đó:

- Đối với việc áp dụng định mức lao động: Đẩy mạnh công tác giao khoán sản phẩm, tăng cường thuê khoán lao động thời vụ, giảm định biên lao động, góp phần nâng cao năng suất lao động và hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

- Đối với việc áp dụng định mức nước tưới cho các loại cây trồng: Khuyến khích các biện pháp tưới nước tiên tiến, tiết kiệm nước cho các loại cây trồng để giảm mức tưới, giảm chi phí năng lượng.

- Đối với việc áp dụng định mức cho điện năng bơm tưới, bơm tiêu; định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu cho công tác vận hành, bảo dưỡng máy móc, trang thiết bị; định mức sửa chữa thường xuyên tài sản cố định và định mức quản lý doanh nghiệp: Cần áp dụng linh hoạt theo tình hình thực tế, phù hợp với chế độ, chính sách hiện hành đảm bảo phát huy, nâng cao hiệu quả, tuổi thọ công trình thủy lợi.

- Trong quá trình áp dụng định mức cần thường xuyên tổng kết, đánh giá, tiếp tục bổ sung hoàn thiện, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, điều chỉnh cho phù hợp.

b) Bố trí, sắp xếp và sử dụng lao động hợp lý, nâng cao năng suất lao động tại các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi.

c) Thực hiện công tác quản lý vận hành công trình theo đúng quy trình, quy phạm nhằm nâng cao tuổi thọ và hiệu quả hoạt động của công trình.

d) Xác định các khoản mục chi phí hợp lý, thực hiện hạch toán kinh tế có hiệu quả; lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch tài chính hàng năm của các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi. Lập hồ sơ: Trình thẩm tra, thẩm định kế hoạch sản xuất, kế hoạch tài chính; xây dựng đơn giá đặt hàng, giao kế hoạch quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

đ) Đề xuất nghiệm thu, thanh quyết toán chi phí quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; thực hiện đúng các chế độ chính sách hiện hành của nhà nước đối với người lao động.

e) Các đơn vị quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tổ chức xây dựng, sửa đổi, bổ sung các định mức quản lý công trình thủy lợi thuộc phạm vi đơn vị quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện có hiệu quả định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Chánh

Phụ lục
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT TRONG CÔNG TÁC QUẢN
LÝ, KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

1. Định mức lao động trên đơn vị sản phẩm

TT	Tên đơn vị	Định mức lao động (công/ha/năm)
1	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi	1,29
2	Thành phố Biên Hòa	3,24
3	Huyện Vĩnh Cửu	2,52
4	Huyện Định Quán	1,28
5	Huyện Tân Phú	1,39
6	Huyện Xuân Lộc	1,18
7	Huyện Cẩm Mỹ	1,23
8	Thành phố Long Khánh	1,27
9	Huyện Thống Nhất	1,74
10	Huyện Trảng Bom	2,03
11	Huyện Long Thành	2,86
12	Huyện Nhơn Trạch	1,44

2. Định mức sử dụng nước tưới tại mặt ruộng

a) Định mức sử dụng nước tưới tại mặt ruộng cho lúa Đông Xuân, lúa Hè Thu và lúa Mùa được tính với tần suất mưa vự 75%.

TT	Tên đơn vị	Định mức (m ³ /ha)		
		Đông Xuân	Hè Thu	Mùa
1	Thành phố Biên Hòa	8.630	5865	3.618
2	Huyện Vĩnh Cửu	8.665	5.900	3.653
3	Huyện Định Quán	8.208	5.152	3.156
4	Huyện Tân Phú	8.263	5.207	3.211
5	Huyện Xuân Lộc	8.170	5.114	3.118
6	Huyện Cẩm Mỹ	8.143	5.087	3.091
7	Thành phố Long Khánh	8.220	5.164	3.168
8	Huyện Thống Nhất	8.665	5.900	3.653
9	Huyện Trảng Bom	8.630	5.865	3.618

TT	Tên đơn vị	Định mức (m ³ /ha)		
		Đông Xuân	Hè Thu	Mùa
10	Huyện Long Thành	8.709	5.944	3.697
11	Huyện Nhơn Trạch	8.600	5.835	3.588

b) Định mức sử dụng nước tưới tại mặt ruộng cho Cây bắp, rau màu, cây Bông được tính với tần suất mưa vụ 75%.

STT	Đơn vị	Định mức sử dụng nước mặt ruộng cho Cây bắp (m ³ /ha)		Định mức sử dụng nước mặt ruộng cho Rau màu (m ³ /ha)		Định mức sử dụng nước mặt ruộng cho Bông (m ³ /ha)	
		Đông Xuân	Hè Thu	Đông Xuân	Mùa	Đông Xuân	Mùa
1	Thành phố Biên Hòa	2.425	1.258	2.482	1.118	3.789	2.858
2	Huyện Thống Nhất	2.425	1.258	2.482	1.118	3.789	2.858
3	Huyện Trảng Bom	2.425	1.258	2.482	1.118	3.789	2.858
4	Huyện Long Thành	2.425	1.258	2.482	1.118	3.789	2.858
5	Huyện Nhơn Trạch	2.425	1.258	2.482	1.118	3.789	2.858
6	Huyện Vĩnh Cửu	2.425	1.258	2.482	1.118	3.789	2.858
7	Huyện Định Quán	2.587	1.325	2.579	1.125	4.021	3.035
8	Huyện Tân Phú	2.587	1.325	2.579	1.125	4.021	3.035
9	Huyện Xuân Lộc	2.587	1.325	2.579	1.125	4.021	3.035
10	Huyện Cẩm Mỹ	2.587	1.325	2.579	1.125	4.021	3.035
11	Thành phố Long Khánh	2.587	1.325	2.579	1.125	4.021	3.035

c) Định mức sử dụng nước tưới tại mặt ruộng cho nuôi trồng thủy sản được tính với tần suất mưa vụ 75%.

TT	Tên đơn vị	Định mức (m ³ /ha)			
		Đông Xuân	Hè Thu	Mùa	Cả năm
1	Huyện Vĩnh Cửu	17.909	8.060	10.330	36.299
2	Huyện Nhơn Trạch	17.717	7.913	10.183	35.813

TT	Tên đơn vị	Định mức (m ³ /ha)			
		Đông Xuân	Hè Thu	Mùa	Cả năm
3	Huyện Trảng Bom	17.597	7.821	10.091	35.509
4	Huyện Tân Phú	18.029	8.152	10.422	36.603
5	Huyện Định Quán	17.849	8.014	10.284	36.147

3. Định mức điện năng cho bơm tưới

Định mức tiêu thụ điện năng tưới chủ động cho lúa, tần suất mưa 75%

T T	Đơn vị sử dụng trạm bơm	Lúa - Vụ Đông Xuân		Lúa - Vụ Mùa		Lúa - Vụ Hè Thu	
		Diện tích (ha)	Định mức (kwh/ha)	Diện tích (ha)	Định mức (kwh/ha)	Diện tích (ha)	Định mức (kwh/ha)
1	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi	463,22	400,68	360,00	323,44	262,00	198,13
2	Thành phố Biên Hòa	25,00	284,79	88,40	227,70	89,00	134,85
3	Huyện Vĩnh Cửu	850,70	337,52	701,00	254,16	779,70	143,87
4	Huyện Định Quán	1.223,83	2.236,15	1.217,13	1.576,95	1.163,09	1.003,44
5	Huyện Tân Phú	1.424,88	340,57	1.424,88	220,43	1.424,88	113,96

Trong thực tế, lượng mưa ít khi xảy ra đúng với tần suất 75%, khi lượng mưa vụ khác tần suất trên được nhân với hệ số điều chỉnh.

Lượng mưa vụ ứng với tần suất 75%

Trạm khí tượng	Lượng mưa vụ (mm/vụ)		
	Vụ Đông Xuân	Vụ Hè Thu	Vụ Mùa
Trạm Xuân Lộc	441,5	765,5	960,1
Trạm Biên Hòa	397,08	576,2	890,44

a) Hệ số điều chỉnh định mức tiêu hao điện năng bơm tưới Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi

STT	Vụ Đông Xuân		Vụ Hè Thu		Vụ Mùa	
	Lượng mưa (mm)	K _{dc}	Lượng mưa (mm)	K _{dc}	Lượng mưa (mm)	K _{dc}
1	330	1,55	500	1,05	700	1,87

STT	Vụ Đông Xuân		Vụ Hè Thu		Vụ Mùa	
	Lượng mưa (mm)	K _{dc}	Lượng mưa (mm)	K _{dc}	Lượng mưa (mm)	K _{dc}
2	340	1,43	530	1,04	730	1,74
3	350	1,33	560	1,01	760	1,60
4	360	1,24	590	0,97	790	1,47
5	370	1,16	620	0,92	820	1,33
6	380	1,09	650	0,87	850	1,20
7	390	1,03	680	0,82	890	1,03
8	400	0,97	710	0,76	910	0,96
9	410	0,92	740	0,71	940	0,85
10	420	0,88	770	0,66	970	0,74

b) Hệ số điều chỉnh định mức tiêu hao điện năng bơm tưới Thành phố Biên Hòa

STT	Vụ Đông Xuân		Vụ Hè Thu		Vụ Mùa	
	Lượng mưa (mm)	K _{dc}	Lượng mưa (mm)	K _{dc}	Lượng mưa (mm)	K _{dc}
1	350	1,06	500	1,48	700	1,89
2	360	1,05	510	1,40	720	1,78
3	370	1,04	520	1,34	740	1,67
4	380	1,02	530	1,27	760	1,57
5	390	0,99	540	1,22	780	1,46
6	400	0,97	550	1,16	800	1,36
7	410	0,94	560	1,11	820	1,27
8	420	0,90	570	1,07	840	1,17
9	430	0,87	580	1,03	860	1,08
10	440	0,84	590	0,99	870	1,04

c) Hệ số điều chỉnh định mức tiêu hao điện năng bơm tưới huyện Vĩnh Cửu

STT	Vụ Đông Xuân		Vụ Hè Thu		Vụ Mùa	
	Lượng mưa (mm)	K _{dc}	Lượng mưa (mm)	K _{dc}	Lượng mưa (mm)	K _{dc}
1	330	2,06	500	1,32	800	1,41
2	340	1,79	530	1,19	820	1,30
3	350	1,58	560	1,08	840	1,21
4	360	1,40	590	0,99	860	1,13
5	370	1,26	620	0,92	880	1,05
6	380	1,15	650	0,87	900	0,99
7	390	1,06	680	0,82	920	0,94

8	400	1,00	710	0,77	940	0,89
9	410	0,96	740	0,72	960	0,85
10	420	0,93	770	0,65	980	0,82
11	430	0,91	800	0,58	1000	0,80

d) Hệ số điều chỉnh định mức tiêu hao điện năng bơm tưới huyện Định Quán

STT	Vụ Đông Xuân		Vụ Hè Thu		Vụ Mùa	
	Lượng mưa (mm)	K _{dc}	Lượng mưa (mm)	K _{dc}	Lượng mưa (mm)	K _{dc}
1	400	1,07	720	1,18	850	1,72
2	410	1,06	740	1,09	870	1,49
3	420	1,04	760	1,01	890	1,30
4	430	1,02	780	0,94	910	1,15
5	440	1,00	800	0,88	930	1,03
6	450	0,98	820	0,81	950	0,93
7	460	0,96	840	0,75	970	0,86
8	470	0,93	860	0,69	990	0,80
9	480	0,91	880	0,62	1010	0,75
10	490	0,88	900	0,56	1030	0,71

e) Hệ số điều chỉnh định mức tiêu hao điện năng bơm tưới huyện Tân Phú

STT	Vụ Đông Xuân		Vụ Hè Thu		Vụ Mùa	
	Lượng mưa (mm)	K _{dc}	Lượng mưa (mm)	K _{dc}	Lượng mưa (mm)	K _{dc}
1	410	1,04	720	0,92	850	1,16
2	420	1,03	740	0,99	870	1,12
3	430	1,02	760	1,00	890	1,08
4	440	1,00	780	0,97	910	1,04
5	450	0,99	800	0,91	930	1,01
6	460	0,97	820	0,82	950	0,98
7	470	0,95	840	0,73	970	0,95
8	480	0,93	860	0,62	990	0,92
9	490	0,90	880	0,53	1010	0,89
10	500	0,88	900	0,45	1030	0,86

4. Định mức điện năng cho bơm tiêu (Kwh/ha)

Định mức điện tiêu, tần suất 25%

Trạm bơm	Vụ đông xuân		Vụ hè thu		Vụ Mùa	
	Định mức điện tiêu cho đất canh tác	Định mức điện tiêu cho đất phi canh tác	Định mức điện tiêu cho đất canh tác	Định mức điện tiêu cho đất phi canh tác	Định mức điện tiêu cho đất canh tác	Định mức điện tiêu cho đất phi canh tác

Trạm bơm tiêu áp 3 - Đắc lư	18,00	5,80	26,20	36,93	108,53	68,50
-----------------------------------	-------	------	-------	-------	--------	-------

Lượng mưa vụ ứng với tần suất 25%

Vụ	X _{Đh} (mm)
Vụ đông xuân	108.4
Vụ hè thu	1004.2
Vụ mùa	1312.4

Khi lượng mưa thực tế thay đổi (khác mức tính toán trên), định mức điện năng bơm tiêu được nhân với hệ số điều chỉnh (K), cụ thể:

a) Hệ số điều chỉnh định mức điện bơm tiêu Vụ Đông Xuân

TT	Lượng mưa (mm)	Đất canh tác	Đất Phi Canh tác
1	80	0,72	0,35
2	85	0,81	0,43
3	90	0,86	0,52
4	100	0,90	0,68
5	105	0,92	0,77
6	110	0,96	0,88
7	120	1,13	1,16
8	125	1,30	1,35
9	130	1,54	1,57
10	135	1,86	1,84

b) Hệ số điều chỉnh định mức điện bơm tiêu Vụ Hè Thu

TT	Lượng mưa (mm)	Đất canh tác	Đất Phi canh tác
1	800	0,44	0,57
2	850	0,63	0,71
3	900	0,78	0,82
4	950	0,90	0,90
5	960	0,92	0,92
6	1.000	0,98	0,96
7	1.050	1,05	1,01
8	1.100	1,10	1,04
9	1.150	1,15	1,07
10	1.200	1,20	1,10

c) Hệ số điều chỉnh định mức điện bơm tiêu Vụ Mùa

TT	Lượng mưa (mm)	Đất canh tác	Đất phi canh tác
1	800	0,77	0,63

2	850	0,82	0,71
3	900	0,86	0,78
4	950	0,89	0,83
5	960	0,90	0,84
6	1000	0,92	0,87
7	1050	0,94	0,90
8	1100	0,96	0,93
9	1150	0,97	0,96
10	1200	0,99	0,98

5. Định mức sửa chữa thường xuyên tài sản cố định so với giá trị sản xuất

TT	Tên đơn vị	Định mức (%)
1	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi	26.80
2	Thành phố Biên Hòa	26.75
3	Huyện Vĩnh Cửu	26.25
4	Huyện Định Quán	27.02
5	Huyện Tân Phú	25.28
6	Huyện Xuân Lộc	26.06
7	Huyện Cẩm Mỹ	25,31
8	Thành phố Long Khánh	26,22
9	Huyện Thống Nhất	19.05
10	Huyện Trảng Bom	26.69
11	Huyện Long Thành	26.26
12	Huyện Nhơn Trạch	25.74

Định mức chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định của các đơn vị được tính bằng tỷ lệ phần trăm so với tổng chi phí sản xuất của các đơn vị đó.

6. Định mức tiêu hao vật tư nguyên nhiên liệu cho vận hành, bảo dưỡng máy móc, thiết bị công trình thủy lợi

T T	Tên đơn vị	Dầu nhòn (lít/năm)	Mỡ các loại (kg/năm)	Diezel (lít/năm)	Giẻ lau (kg/năm)	Sợi Amiang (kg/năm)
1	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi	116	89	317	197	3
2	Thành phố Biên Hòa	7	4	21	12	2
3	Huyện Vĩnh Cửu	56	22	148	88	23
4	Huyện Định Quán	5	3	14	7	3
5	Huyện Tân Phú	54	24	146	81	29
6	Huyện Xuân Lộc	5	4	23	14	0
7	Huyện Cẩm Mỹ	2	1	7	5	0

T T	Tên đơn vị	Dầu nhờn (lít/năm)	Mỡ các loại (kg/năm)	Diezel (lít/năm)	Giẻ lau (kg/năm)	Sợi Amiang (kg/năm)
8	Thành phố Long Khánh	8	7	29	19	0
9	Huyện Thống Nhất	16	12	51	30	0
10	Huyện Trảng Bom	9	6	34	21	0
11	Huyện Long Thành	7	5	25	15	0
12	Huyện Nhơn Trạch	3	3	6	5	0

7. Định mức chi phí quản lý Doanh nghiệp so với chi phí sản xuất của các đơn vị

TT	Văn phòng/trạm	Định mức (%)
1	Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi	24,51
2	Thành phố Biên Hòa	24,47
3	Huyện Vĩnh Cửu	20,70
4	Huyện Định Quán	20,63
5	Huyện Tân Phú	20,99
6	Huyện Xuân Lộc	20,22
7	Huyện Cẩm Mỹ	27,60
8	Thành phố Long Khánh	20,50
9	Huyện Thống Nhất	23,40
10	Huyện Trảng Bom	22,90
11	Huyện Long Thành	24,31
12	Huyện Nhơn Trạch	26,32

a) Định mức chi phí quản lý Doanh nghiệp được tính bằng tỷ lệ phần trăm của chi phí quản lý doanh nghiệp của các đơn vị, so với tổng chi phí sản xuất của các đơn vị đó.

b) Chi phí quản lý Doanh nghiệp cho các hoạt động kinh doanh khai thác tổng hợp công trình thủy lợi tính theo quy định hiện hành.

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 372-~~8~~ /STC-TCHCSN
V/v ý kiến ban hành định mức kinh tế -
kỹ thuật trong công tác quản lý, khai
thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên
địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đồng Nai, ngày 13 tháng 7 năm 2020

Nơi nhận: Sở Tài chính,
Ban Giám đốc,
Lưu VT.HCSN.
<043/2020/snn>
[201-ĐP-2020]

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh.

Thành viên UBND tỉnh Sở Tài chính nhận được văn bản số 1617/VP-KTN ngày 06/07/2020 của Văn phòng UBND tỉnh Đồng Nai về việc xin ý kiến ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Sở Tài chính có ý kiến như sau:

Căn cứ Quyết định số 4274/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kết quả thực hiện Chương trình Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Thành viên UBND tỉnh Sở Tài chính cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Quyết định “Về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai” của Văn phòng UBND tỉnh Đồng Nai.

Tuy nhiên, tại Khoản 5 của Phụ lục đính kèm Dự thảo Quyết định, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh lại nội dung như sau: “Định mức chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định của các đơn vị được tính bằng tỷ lệ phần trăm so với tổng chi phí sản xuất của các đơn vị đó.”

Trên đây là ý kiến đóng góp của Thành viên UBND tỉnh Sở Tài chính./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT.HCSN.
<043/2020/snn>
[201-ĐP-2020]

THÀNH VIÊN UBND TỈNH



GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

Đỗ Khôi Nguyên

hiện trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trước khi tham mưu UBND tỉnh ban hành, cụ thể:

- Thực hiện lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương và phối hợp Văn phòng UBND tỉnh đăng tải toàn văn dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời hạn ít nhất 30 ngày theo quy định tại Điều 129 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Thực hiện thủ tục thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Quyết định theo quy định tại Điều 130 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau khi hoàn chỉnh dự thảo theo ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương và hết hạn đăng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh).

Trên đây là ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp - Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh đối với dự thảo Quyết định về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (p.h);
- Giám đốc Sở các PGD Sở;
- Lưu: VT, XDPBPL.

Đã ký:

ỦY VIÊN UBND TỈNH



Ký ban Sở Tư pháp
Ngày ký: 15.07.2020
13.07.51 - 07.00

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP
Võ Thị Xuân Đào

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2064 /STP-XDPBPL

Đồng Nai, ngày 15 tháng 07 năm 2020

Và góp ý dự thảo Quyết định về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

Ngày 06/7/2020, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 1617 VP-KTN về việc lấy ý kiến Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh đối với dự thảo Quyết định về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo, Giám đốc Sở Tư pháp - Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Về thẩm quyền ban hành

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 20 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định trách nhiệm của UBND tỉnh "*Chỉ đạo cơ quan chuyên môn và tổ chức khai thác công trình thủy lợi xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành*". Do đó, việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định nêu trên là phù hợp về thẩm quyền.

2. Hình thức, trình tự, thủ tục tham mưu ban hành

Trên cơ sở nội dung xây dựng của dự thảo, việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật nhằm áp dụng thường xuyên, liên tục trong thời gian dài để thực hiện lập và quản lý, xây dựng kế hoạch, phương án giá dịch vụ thủy lợi, đặt hàng, đấu thầu khai thác công trình thủy lợi, thanh quyết toán chi phí quản lý, vận hành công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó quy định UBND tỉnh ban hành Quyết định đề nghị "*chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên*".

Căn cứ các quy định có liên quan đến việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan: Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. Sở Tư pháp đề nghị cơ quan soạn thảo tham mưu UBND tỉnh Quyết định nêu trên theo hình thức Quyết định quy phạm pháp luật.

Đồng thời, rà soát hồ sơ dự thảo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi UBND tỉnh thì dự thảo Quyết định chưa thực hiện trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thực

**UBND TỈNH ĐỒNG NAI
VĂN PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1840 VP-KTN
Xây dựng thành viên UBND tỉnh
về ban hành định mức kinh tế - kỹ
thuật trong công tác quản lý, khai
thác và bảo vệ công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Đồng Nai, ngày 30 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Văn ban số 2420/TTr-SNN ngày 11/6/2020 về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện quy chế làm việc của UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh đã có Văn ban số 1617 VP-KTN ngày 06/7/2020 gửi các thành viên UBND tỉnh xin ý kiến về hồ sơ trên.

Sau khi tổng hợp có 15 thành viên thống nhất: 09 thành viên chưa có ý kiến; 02 thành viên: Sở Tư pháp, Sở Tài chính có ý kiến một số nội dung cần làm rõ, bổ sung (đính kèm Văn ban số 2064-STP-XDPBP ngày 15/7/2020, Văn ban số 3728/STC-TCHCSN ngày 13/7/2020).

Văn phòng UBND tỉnh chuyển văn ban của Sở Tư pháp, Sở Tài chính đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị cứu, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ nêu trên, trình UBND tỉnh xem xét, ban hành./.

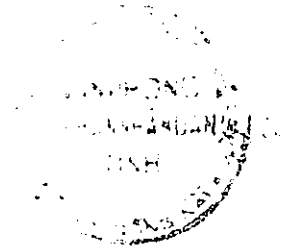
Với nhận:

Như trên.

Chức vụ: Phó UBND tỉnh (Độc Chánh).

Chức vụ: VP-KTN.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Hữu Lý